

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP. RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2018/HS-ST
Ngày: 29/5/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Tiến

Bà Chung Kim Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Sà Ron – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Lập - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 135/2018/TLST-HS ngày 03 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2018/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Thị T

Sinh năm: 1994 tại An Biên, tỉnh Kiên Giang

Nơi ĐKTT: số nhà 80 tổ 3 ấp X, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở: số nhà 80 tổ 3 ấp X, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Nghề nghiệp: Làm thuê

Trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Trần Văn Tg và bà Thị Th.

Chồng: Danh Chí Ph.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam: Không.

Bị cáo đang tại ngoại.

- *Người bào chữa:* Bà Võ Thị Phương Thảo là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện hợp pháp để bào chữa cho bị cáo Thị T (thuộc diện dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn) (có mặt)

- *Bị hại:* Phạm Nhã V, sinh năm: 1986 (có mặt)

Lê Thị Hoàng Y (vợ anh V), sinh năm: 1988 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số nhà 107 đường K, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Thị Th, sinh năm: 1963 (có mặt)

Địa chỉ: số nhà 80 tổ 3 ấp X, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu năm 2015, T được nhận vào giúp việc cho gia đình ông Phạm Nhã V ở số nhà 107 đường Trần Quang Khải, phường An Hoà, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Hàng ngày T vào phòng để chăm sóc con của vợ chồng ông V và thấy được ông V mở mật khẩu kết sắt trong phòng ngủ để cất tiền vào rồi để chìa khoá trên đầu tủ kết sắt nên T nảy sinh ý định lấy trộm tiền trong kết sắt. Sau nhiều lần để ý, T biết được mã số cũng như cách thức mở kết sắt. Đến đầu tháng 3/2017 khi gần đến ngày nghỉ làm thuê để về quê lấy chồng thì T đã bắt đầu lấy trộm tiền trong kết sắt của vợ chồng ông V. Thủ đoạn của T là lợi dụng lúc vợ chồng ông V đi vắng, trong nhà không có người sẽ vào phòng của vợ chồng ông V mở kết sắt lấy trộm tiền. Để ông V không phát hiện được thì mỗi lần lấy trộm T chỉ rút ra một ít trong xấp tiền lớn chứ không lấy hết cả 01 xấp tiền. Bằng thủ đoạn trên, T đã 05 lần trộm cắp tiền của vợ chồng ông V, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Vào khoảng 13 giờ, đầu tháng 3/2017 (không nhớ rõ ngày), T đã lên vào phòng ngủ của vợ chồng ông V mở kết sắt lấy trộm được số

tiền khoảng 10.000.000 đồng. Sau khi lấy được tiền, T đem cất giấu trong ba lo để trên phòng riêng;

- Lần thứ hai: Vào khoảng 13 giờ, tháng 3/2017 (không nhớ rõ ngày nhưng cách lần thứ nhất khoảng 04 ngày), T đã lên vào phòng ngủ của vợ chồng ông V mở kết sắt lấy trộm được số tiền khoảng 20.000.000 đồng. Sau khi lấy được tiền, T đem cất giấu trong ba lo để trên phòng riêng;

- Lần thứ ba: Trong tháng 3/2017 (không nhớ rõ ngày nhưng cách lần thứ hai khoảng 07 ngày), T đã lên vào phòng ngủ của vợ chồng ông V mở kết sắt lấy trộm được số tiền khoảng 20.000.000 đồng. Sau khi lấy được tiền, T đem cất giấu trong ba lo để trên phòng riêng;

Sau 03 lần lấy trộm được số tiền 50.000.000 đồng, T gửi về nhà cho mẹ ruột là bà Thị Th số tiền 40.000.000 đồng, còn lại khoảng 10.000.000 đồng T tiêu xài cá nhân. T nói với bà Th số tiền có được là do T dành dụm tiền lương nhiều năm nên bà Th không biết tiền do T trộm cắp mà có.

- Lần thứ tư: Vào khoảng 19 giờ, ngày 25/ 3/2017, T đã lên vào phòng ngủ của vợ chồng ông V mở kết sắt lấy trộm được số tiền khoảng 20.000.000 đồng. Sau khi lấy được tiền, T đem đi mua điện thoại di động hiệu Iphone 7 giá 18.968.000 đồng, còn lại 680.000 đồng T cất giữ trong bóp;

- Lần thứ năm: Vào khoảng 20 giờ, ngày 28/ 3/2017, T tiếp tục lấy trộm trong kết sắt của vợ chồng ông V được số tiền khoảng 78.000.000 đồng. Sau khi lấy được tiền, T đem cất giấu trong ba lo cá nhân. Đến ngày 29/3/2017 T chuẩn bị nghỉ việc về quê thì ông V kiểm tra phát hiện bị mất nhiều tiền trong kết sắt nên đã báo Công an phường An Hoà mời T làm việc và T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đồng thời, T giao nộp lại số tiền đã trộm còn lại là 78.680.000 đồng cùng chiếc điện thoại Iphone 7 để trong ba lo cá nhân. Ngày 05/12/2017 Cơ quan cảnh sát Điều tra công an thành phố Rạch Giá khởi tố và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo để điều tra (bút lục số 34, 40, 42, 44, 46, 48, 50, 52, 84).

Bị cáo Thị T đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Thị T đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại vợ chồng ông V đã nhận lại số tiền 78.680.000 đồng và chiếc điện thoại Iphone 7 (T mua với giá 18.968.000 đồng),

tổng cộng số tiền nhận được khoảng 97.648.000 đồng nên vợ chồng ông V yêu cầu bị cáo tiếp tục trả số tiền còn lại là 50.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý và cùng bà Th bồi thường cho bị hại được trước, sau 35.000.000 đồng, còn 15.000.000 đồng hiện chưa có tiền bồi thường (bút lục số 27).

*** Theo bản cáo trạng số:** 76/CT.VKSTPRG ngày 27/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm b, r, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Thị T- từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Về phần dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự thỏa th giữa bị cáo và bị hại, bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền còn lại là 15.000.000 đồng.

* Bà Võ Thị Phương Thảo bào chữa chỉ định cho bị cáo Thị T phát biểu quan điểm: Thống nhất về tội danh mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, đề nghị hội đồng xét xử cân nhắc quyết định hình phạt đối với bị cáo, bởi lẽ bản thân bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là dân tộc khmer nên nhận thức pháp luật còn thấp; bị cáo và gia đình đã khắc phục hậu quả bồi thường cho bị hại số tiền 35.000.000 đồng; bị cáo tự thú khai ra lần phạm tội trước đó chưa bị phát hiện và bị cáo phạm tội khi đang mang thai; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Từ nhiều tình tiết giảm nhẹ nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, r, s, n khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự cho bị cáo mức án thấp nhất khung là 06 tháng tù giam; về trách nhiệm dân sự thống nhất viện kiểm sát đề nghị bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền còn lại là 15.000.000 đồng.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Rạch Giá, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa hôm nay bị cáo Thị T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu; lời nhận tội trên phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, của những người tham gia tố tụng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Vào năm 2015 bị cáo T được nhận vào giúp việc cho vợ chồng ông Phạm Nhã V và Lê Thị Hoàng Y tại số nhà 107 đường Trần Quang Khải, phường An Hoà, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Quá trình giúp việc bị cáo T đã theo dõi và biết được mật khẩu kết sất của vợ chồng ông V nên trong tháng 3/2017, lợi dụng những lúc vợ chồng ông V đi vắng không ai ở nhà thì T đã lén lút mở mật khẩu kết sất lấy trộm của ông V, bà Y 05 lần được số tiền tổng cộng là 147.648.000 đồng. Số tiền trộm được, T đem tiêu xài cá nhân khoảng 10.000.000 đồng, cho mẹ ruột bà Th 40.000.000 đồng (bà Th không biết tiền là do bị cáo trộm cắp mà có), mua 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 giá 18.968.000 đồng, còn lại 78.680.000 đồng bị Cơ quan Công an thu giữ và giao trả cho chủ sở hữu.

Từ những chứng cứ đã nêu trên, có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét về tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, mặc dù bị cáo ý thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân và gửi về cho gia đình mà không phải bỏ ra công sức lao động chân chính, nên bị cáo đã bất chấp thực

hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo với lỗi cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật thừa nhận và bảo V, làm ảnh hưởng xấu đến cuộc sống gia đình người bị hại, làm mất an ninh, trật tự ở địa phương và gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Do đó, cần xử bị cáo một mức hình phạt thật tương xứng đối với tội trạng của bị cáo và cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định; nhằm có tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt; đồng thời cũng nhằm ngăn ngừa chung loại tội phạm này trong xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhiều lần (trộm tài sản của bị hại 05 lần) được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự thú khai ra lần phạm tội trước đó mà chưa ai phát hiện; 01 phần tài sản được thu hồi giao trả lại cho bị hại và bị cáo cùng gia đình tự nguyện bồi thường cho bị hại thêm số tiền 35.000.000 đồng; bị cáo là người dân tộc thiểu số và hiện nay đang mang thai; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, r, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đã cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế gia đình khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự thỏa th giữa bị cáo và bị hại, bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền còn lại là 15.000.000 đồng.

[7] Xét yêu cầu của bà Võ Thị Phương Thảo bào chữa cho bị cáo yêu cầu Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, r, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 52, 54, 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Riêng đề nghị áp dụng điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Đối với việc T cho bà Thị Th số tiền 40.000.000 đồng, bà Th không biết số tiền này là do bị cáo trộm cắp mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Rạch Giá không truy cứu trách nhiệm hình sự là đúng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14; Công văn số 04/TANDTC-PC ngày 09/01/2018 của Toà án nhân dân tối cao; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 584, 585, 586 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm b, r, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Thị T

Phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Thị T – 01 (một) năm tù. Thời hạn tù; tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự thỏa th giữa bị cáo và bị hại, bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại Phạm Nhã V và Lê Thị Hoàng Y số tiền còn lại là 15.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Cơ quan THA Dân sự Tp. Rạch Giá;
- Công an thành phố Rạch Giá;
- Bị cáo, người TGT;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THÀNH ĐỨC